TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 01-11-2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Phước Thuận.

Ông Lê Đức Thụy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 541/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1992; (có văn bản đề nghị vắng mặt).

Cư trú: Thôn T2, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; (vắng mặt).

Cư trú: Số 499, tổ 16, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đ do quen biết, tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2011. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hơn 02 năm nay, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không còn sống chung hơn 02 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011 và Nguyễn Gia T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2013. Hiện nay,

con chung đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà N khởi kiện ông Đ, ông Đ cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông Đ thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm, chăm sóc vợ con và ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà N và ông Đ không còn sống chung hơn 02 năm nay. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng ông cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011 và Nguyễn Gia T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2013. Hiện nay, con chung đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu B và cháu T đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, ông Đ cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu được chăm sóc con chung của bà N. Bên cạnh đó, bà N đang có việc làm với mức thu nhập ổn định có thể đảm B cuộc sống cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu T là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Không có, nên không xét đến.

[6]. *Về nợ chung:* Không có, nên không xét đến.

Ghi nhận bà N xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Đ thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim N đối với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung:* Bà Phạm Thị Kim N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011 và Nguyễn Gia T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2013.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Phạm Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0019959 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 25 tháng 7 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu./.

Lại Hiệp Phong